

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 37
8. Phụ lục	38 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 140.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 37 507 496
Fax : (84-8) 38 771 010
Mã số thuế : 0302271207

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: sản xuất dược phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay tăng 110 tỷ VND # 31% so với năm trước chủ yếu là do số lượng hàng hóa bán ra tăng đáng kể.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Dự án khu đất phường Phú Hữu, quận 9, TP. Hồ Chí Minh làm phát sinh khoản lãi là 13.449.530.215 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	01 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	10 tháng 12 năm 2002	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2007	-
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0327/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần S.P.M gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2013, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 có dạng ý kiến ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc Công ty không ghi nhận doanh thu thanh lý khoản đầu tư 20% trong dự án đất Phú Hữu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hiện tại, Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư nêu trên và ghi nhận khoản lãi thanh lý vào Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 13.449.530.215 VND.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

[Signature]

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		599.152.485.252	449.292.002.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	10.955.373.953	8.767.076.837
1. Tiền		111		10.955.373.953	3.927.076.837
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	4.840.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		126.415.785.674	158.398.223.149
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	126.415.785.674	158.398.223.149
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		418.185.352.951	235.148.939.676
1. Phải thu khách hàng		131	V.3	367.121.907.765	201.672.863.052
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	8.439.718.881	8.453.891.195
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	43.018.276.211	25.545.582.679
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(394.549.906)	(523.397.250)
IV. Hàng tồn kho		140		41.855.003.099	44.379.395.281
1. Hàng tồn kho		141	V.7	42.868.125.788	45.240.670.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(1.013.122.689)	(861.274.947)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.740.969.575	2.598.367.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	679.969.399	745.987.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		802.496.791	1.447.190.945
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.10	258.503.385	405.188.463

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		516.520.633.761	593.849.414.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		398.527.807.990	412.276.159.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	108.067.856.362	122.675.435.323
<i>Nguyên giá</i>	222		194.319.852.612	193.816.783.524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(86.251.996.250)	(71.141.348.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.200.774.402	6.472.146.818
<i>Nguyên giá</i>	228		8.240.916.178	8.240.916.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.040.141.776)	(1.768.769.360)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	284.259.177.226	283.128.577.786
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		117.854.506.260	181.529.424.505
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	50.163.476.260	69.968.728.660
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	67.691.030.000	111.560.695.845
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		138.319.511	43.830.185
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	138.319.511	43.830.185
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.115.673.119.013	1.043.141.416.956

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		460.482.920.157	452.689.772.706
I. Nợ ngắn hạn		310		460.482.920.157	452.631.279.486
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	149.911.196.269	148.410.963.356
2. Phải trả người bán		312	V.18	39.199.395.288	36.793.081.426
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	976.942.400	2.033.204.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	12.374.186.185	6.803.127.456
5. Phải trả người lao động		315	V.21	1.914.247.796	994.985.606
6. Chi phí phải trả		316	V.22	682.384.140	689.065.182
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	255.424.568.079	256.906.851.832
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	58.493.220
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	IV.13; V.24	-	58.493.220
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		655.190.198.856	590.451.644.250
I. Vốn chủ sở hữu		410		655.190.198.856	590.451.644.250
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.25	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.25	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.25	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.25	314.341.200.356	249.602.645.750
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.115.673.119.013	1.043.141.416.956

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.092,00	67.155,40
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	460.710.244.537	350.603.159.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	30.703.401.908	28.404.215.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	430.006.842.629	322.198.944.064
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	335.200.151.376	224.092.601.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.806.691.253	98.106.342.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	42.156.787.462	29.079.018.475
7. Chi phí tài chính	22	VL4	23.386.774.634	23.504.364.628
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.343.499.999	20.223.161.136
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	34.254.740.248	33.414.299.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	10.195.246.016	8.798.233.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.126.717.817	61.468.463.000
11. Thu nhập khác	31		243.997.095	275.988.527
12. Chi phí khác	32		82.838.908	172.289.194
13. Lợi nhuận khác	40		161.158.187	103.699.333
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.287.876.004	61.572.162.333
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	4.643.810.724	2.103.043.981
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(94.489.326)	(139.184.470)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>64.738.554.606</u>	<u>59.608.302.822</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	<u>4.701</u>	<u>4.295</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013


 Nguyễn Quốc Thịnh
 Người lập biểu


 Bùi Công Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.287.876.004	61.572.162.333
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11; V.12	15.588.843.369	15.984.650.677
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.8	23.000.398	955.457.996
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(42.057.684.865)	(28.901.331.080)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.343.499.999	20.223.161.136
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.185.534.905	69.834.101.062
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(167.367.485.935)	(28.585.489.904)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.372.544.440	(19.031.865.233)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.989.257.318	(9.854.852.696)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		66.018.589	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22; VI.4	(22.183.653.503)	(19.940.296.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(1.500.000.000)	(1.115.104.325)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(120.437.784.186)	(8.693.507.146)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12; V.14	(2.286.793.528)	(4.131.699.914)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	11.329.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(22.411.414.000)	(39.678.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	54.393.851.475	5.436.143.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14; V.15; VII	(805.777.600)	(11.915.633.660)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15	65.030.695.845	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	27.205.286.197	12.138.699.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		121.125.848.389	(38.139.562.323)

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

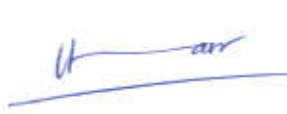
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

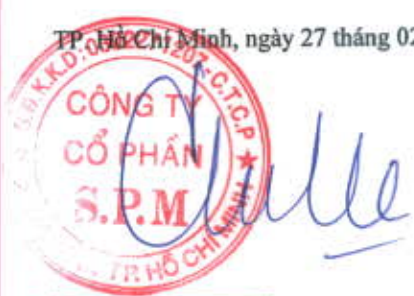
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.036.370.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	392.287.570.716	315.027.279.547
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(390.787.337.803)	(256.864.596.340)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17.742.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.500.232.913	48.108.571.207
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.188.297.116	1.275.501.738
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.767.076.837	7.491.575.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.955.373.953	8.767.076.837

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013


Nguyễn Quốc Thịnh
 Người lập biểu


Bùi Công Sơn
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán dược phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 255 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 257 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu năm nay tăng 110 tỷ VND # 31% so với năm trước chủ yếu là do số lượng hàng hóa bán ra tăng đáng kể.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Dự án khu đất phường Phú Hữu, quận 9, TP. Hồ Chí Minh làm phát sinh khoản lãi là 13.449.530.215 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.813 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.747.683.847	651.537.741
Tiền gửi ngân hàng	8.207.690.106	3.275.539.096
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.840.000.000
Cộng	<u>10.955.373.953</u>	<u>8.767.076.837</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty TNHH được phẩm Đô Thành vay với lãi suất từ 1%/tháng đến 1,67%/tháng	35.628.479.525	68.000.000.000
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất từ 1,5%/tháng đến 1,75%/tháng	40.787.306.149	40.398.223.149
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn ASV với lãi suất từ 1%/tháng đến 2%/tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	126.415.785.674	158.398.223.149

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành	348.654.951.751	177.008.873.793
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	13.533.047.486	21.515.375.200
Các khách hàng khác	4.933.908.528	3.148.614.059
Cộng	367.121.907.765	201.672.863.052

Các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là USD 2,500,000 được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh V.17).

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	7.149.935.881	7.904.975.493
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.289.783.000	548.915.702
Cộng	8.439.718.881	8.453.891.195

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lãi dự thu	39.103.701.497	24.251.302.829
Phải thu hàng giao gia công	577.926.836	549.793.316
Tiền hàng cho mượn trưng bày	40.334.146	93.654.904
Công ty bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn - tiền thu bảo hiểm cháy nổ	2.486.013.266	-
Các khoản phải thu khác	810.300.466	650.831.630
Cộng	43.018.276.211	25.545.582.679

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	523.397.250
Hoàn nhập dự phòng	(128.847.344)
Số cuối năm	394.549.906

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	5.510.697.585	3.900.251.280
Nguyên liệu, vật liệu	29.341.393.860	33.697.440.343
Công cụ, dụng cụ	120.704.541	189.273.427
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.188.773.253	6.633.544.562
Thành phẩm	4.706.556.549	820.160.616
Cộng	42.868.125.788	45.240.670.228

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	861.274.947
Trích lập dự phòng bổ sung	151.847.742
Số cuối năm	1.013.122.689

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	349.012.278	272.148.606
Chi phí sửa chữa	95.550.081	313.970.577
Chi phí bảo hiểm	48.740.372	159.868.805
Chi phí khác	186.666.668	-
Cộng	679.969.399	745.987.988

10. Tài sản ngắn hạn khác
Tạm ứng cho nhân viên.**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	70.028.168.118	121.778.882.575	970.040.491	1.039.692.340	193.816.783.524
Mua sắm mới	522.572.194	633.621.894	-	-	1.156.194.088
Thanh lý, nhượng bán	-	(653.125.000)	-	-	(653.125.000)
Số cuối năm	70.550.740.312	121.759.379.469	970.040.491	1.039.692.340	194.319.852.612
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.422.496.468	18.393.758.307	-	1.039.692.340	21.855.947.115
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.133.929.430	56.651.320.308	325.292.825	1.030.805.638	71.141.348.201
Khấu hao trong năm	2.915.159.010	12.295.428.461	97.996.780	8.886.702	15.317.470.953
Thanh lý, nhượng bán	-	(206.822.904)	-	-	(206.822.904)
Số cuối năm	16.049.088.440	68.739.925.865	423.289.605	1.039.692.340	86.251.996.250

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.894.238.688	65.127.562.267	644.747.666	8.886.702	122.675.435.323
Số cuối năm	54.501.651.872	53.019.453.604	546.750.886	-	108.067.856.362
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.985.462.955 VND và 60.238.661.597 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh V.17).

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.281.897.278	885.440.000	73.578.900	8.240.916.178
Số cuối năm	7.281.897.278	885.440.000	73.578.900	8.240.916.178
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	48.078.900	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.586.813.757	140.194.673	41.760.930	1.768.769.360
Khấu hao trong năm	158.302.116	88.544.004	24.526.296	271.372.416
Số cuối năm	1.745.115.873	228.738.677	66.287.226	2.040.141.776
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.695.083.521	745.245.327	31.817.970	6.472.146.818
Số cuối năm	5.536.781.405	656.701.323	7.291.674	6.200.774.402
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh V.17).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	442.750.000	442.750.000
XDCB dở dang	283.128.577.786	687.849.440	283.816.427.226
- Dự án khu nhà ở Long Trường	280.807.353.530	-	280.807.353.530
- Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	60.000.000
- Xưởng sản xuất thuốc đông dược	2.261.224.256	687.849.440	2.949.073.696
Cộng	283.128.577.786	1.130.599.440	284.259.177.226

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land	-	-	1.272.850	20.111.030.000
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị ⁽ⁱ⁾	980.000	23.250.000.000	980.000	23.250.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000	26.913.476.260	3.000.000	26.607.698.660
Cộng		50.163.476.260		69.968.728.660

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301430052 thay đổi lần thứ 04 ngày 21 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị là 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 305.777.600 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư là 26.913.476.260 VND, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt (số đầu năm là 26.607.698.660 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư góp vốn		32.691.030.000		11.530.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng gia	675.000	6.750.000.000	675.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Nam Bắc	325.500	3.255.000.000	275.500	2.755.000.000
- Công ty cổ phần dược thiết bị y tế Đà Nẵng	81.000	2.025.000.000	81.000	2.025.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land	1.272.850	20.111.030.000	-	-
- Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim	-	550.000.000	-	-
Góp vốn vào dự án	-	35.000.000.000	-	100.030.695.845
- Dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
- Dự án khu đất Phường Phú Hữu, quận 9	-	-	-	65.030.695.845
Cộng		67.691.030.000		111.560.695.845

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Nam Bắc: tăng do mua thêm 50.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 500.000.000 VND.
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land: tăng do điều chỉnh trình bày từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư dài hạn khác.
- Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim: tăng do đầu tư.
- Dự án khu đất Phường Phú Hữu, quận 9: giảm do thanh lý.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	43.830.185
Số phát sinh	94.489.326
Số cuối năm	<u>138.319.511</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	149.911.196.269	148.410.963.356
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	56.403.621.990	55.541.436.667
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	68.532.530.887	69.988.428.861
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24.975.043.392	22.881.097.828
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	<u>149.911.196.269</u>	<u>148.410.963.356</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân trị giá USD 2.500.000 từ Ông Đào Hữu Hoàng và được đảm bảo bởi các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là USD 2.500.000 (xem thuyết minh V.3).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.11 và V.12).

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	148.410.963.356	387.487.570.716	(385.987.337.803)	149.911.196.269
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	4.800.000.000	(4.800.000.000)	-
Cộng	<u>148.410.963.356</u>	<u>392.287.570.716</u>	<u>(390.787.337.803)</u>	<u>149.911.196.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	18.583.545.778	16.244.045.601
Các nhà cung cấp nước ngoài	20.615.849.510	20.549.035.825
Cộng	39.199.395.288	36.793.081.426

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Zaburit Medicine Medical Equipment & General Trading	893.642.400	2.033.204.628
Crowther Pharm Ltd.	83.300.000	-
Cộng	976.942.400	2.033.204.628

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	788.355.475	3.607.226.710	(1.029.388.085)	3.366.194.100
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	689.016.297	6.719.716.169	(6.920.393.086)	488.339.380
Thuế xuất, nhập khẩu	202.828.546	1.334.887.010	(1.444.307.648)	93.407.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.287.882.943	4.643.810.724	(1.500.000.000)	7.431.693.667
Thuế thu nhập cá nhân	740.344.660	280.118.850	(120.611.915)	899.851.595
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	94.699.535	3.000.000	(3.000.000)	94.699.535
Cộng	6.803.127.456	16.588.759.463	(11.017.700.734)	12.374.186.185

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm	05 %
- Vật liệu xây dựng	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất "Xây dựng nhà máy dược phẩm mới" và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 03 năm đầu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa qui định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.287.876.004	61.572.162.333
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.590.216.422	2.809.340.183
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.678.448.961)	(738.196.083)
Thu nhập chịu thuế	70.199.643.465	63.643.306.433
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	62.376.545.981	57.843.121.275
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)	7.823.097.484	5.476.185.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.634.015.320	3.004.348.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 140/TT-BTC và Thông tư 154/TT-BTC	(1.990.204.596)	(901.304.564)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.643.810.724	2.103.043.981

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. **Phải trả người lao động**
Tiền lương tháng 12 phải trả cho nhân viên.

22. **Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	442.711.582	282.865.086
Chi phí khác	239.672.558	406.200.096
Cộng	682.384.140	689.065.182

23. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	280.765.315	281.729.333
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	377.713.829	372.804.723
Cổ tức phải trả	27.773.634.750	27.773.634.750
Tiền hợp tác dự án khu nhà ở Long Trường:	222.902.833.250	222.902.833.250
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
- Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
- Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Các khoản phải trả khác	4.089.620.935	5.575.849.776
Cộng	255.424.568.079	256.906.851.832

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	58.493.220
Số đã chi	(42.066.600)
Hoàn nhập vào thu nhập khác	(16.426.620)
Số cuối năm	-

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	-	217.588.342.928	568.473.711.428
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(10.036.370.000)	-	(10.036.370.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.608.302.822	59.608.302.822
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(27.594.000.000)	(27.594.000.000)
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64.738.554.606	64.738.554.606
Số dư cuối năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	314.341.200.356	655.190.198.856

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	460.710.244.537	350.603.159.739
- Doanh thu bán hàng hóa	203.318.796.544	87.550.930.158
- Doanh thu bán thành phẩm	255.645.993.453	261.306.775.041
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(30.703.401.908)	(28.404.215.675)
- Chiết khấu thương mại	(3.585.304.907)	(2.214.447.630)
- Giảm giá hàng bán	(893.642.400)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	(26.224.454.601)	(26.189.768.045)
Doanh thu thuần	430.006.842.629	322.198.944.064
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	199.226.832.937	85.541.671.694
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	229.034.555.152	234.911.817.830
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ	192.497.075.848	77.917.601.428
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ ⁽¹⁾	142.551.227.786	145.608.163.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	151.847.742	566.836.550
Cộng	335.200.151.376	224.092.601.698
⁽¹⁾ Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ như sau:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	108.033.008.868	115.680.909.154
Chi nhân công trực tiếp	5.153.396.525	4.451.847.417
Chi phí sản xuất chung	31.995.118.690	30.963.231.169
Tổng chi phí sản xuất	145.181.524.083	151.095.987.740
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.444.771.309	(3.342.269.803)
Cộng: nhập khác	-	271.537.523
Trừ: xuất khác	(9.503.801)	-
Tổng giá thành sản xuất	148.616.791.591	148.025.255.460
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(3.886.395.933)	(1.670.331)
Trừ: xuất khác	(2.179.167.872)	(2.415.421.409)
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	142.551.227.786	145.608.163.720
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.398.425	19.847.207
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	488.910.825	29.818.222
Lãi tiền cho vay	27.957.243.825	28.678.182.828
Lãi thanh lý dự án Phú Hữu	13.449.530.215	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.000.000	162.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.704.172	189.170.218
Cộng	42.156.787.462	29.079.018.475
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.343.499.999	20.223.161.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.043.274.635	3.280.996.139
Chi phí tài chính khác	-	207.353
Cộng	23.386.774.634	23.504.364.628

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	562.235.627	375.201.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.949.962	321.398.382
Chi phí khác	33.454.554.659	32.717.700.004
Cộng	34.254.740.248	33.414.299.886

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.781.812.567	2.914.565.793
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.597.951	150.240.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	544.520.427	626.477.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.514.388.552	2.078.751.271
Chi phí khác	4.182.926.519	3.028.197.468
Cộng	10.195.246.016	8.798.233.327

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	64.738.554.606	59.608.302.822
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.738.554.606	59.608.302.822
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.770.000	13.877.306
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.701	4.295

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.770.000	14.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(122.694)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.770.000	13.877.306

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.092.923.863	116.933.638.100
Chi phí nhân công	16.365.880.425	13.216.489.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.588.843.369	15.983.763.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.532.087.225	9.214.492.975
Chi phí khác	41.051.775.465	37.960.136.883
Cộng	189.631.510.347	193.308.520.953

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim thông qua khoản phải thu khác với số tiền là 550.000.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m² tại phường Long Trường, quận 9 theo Quyết định số 10006/UBND-QLDT của Ủy ban nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

Sau đó, Công ty cổ phần S.P.M (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà ngày 14 tháng 01 năm 2010 để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho vay	14.491.414.000	31.678.400.000
Lãi cho vay	7.394.784.285	5.176.302.829
Tạm ứng	-	3.300.000.000

Ngoài ra, Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh V.17).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay	40.787.306.149	40.398.223.149
Tạm ứng	5.352.714.017	52.714.017
Lãi dự thu	10.753.701.497	10.476.302.829
Cộng nợ phải thu	56.893.721.663	50.927.239.995

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	1.504.373.500	1.032.989.000
Cộng	1.504.373.500	1.032.989.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	Công ty độc quyền phân phối sản phẩm dược
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm, hàng hoá	394.311.494.279	282.053.806.549
Cho thuê kho	1.745.454.540	1.745.454.540
Cho vay	7.920.000.000	8.000.000.000
Lãi cho vay	10.065.997.806	12.093.879.999
Phải thu tiền đầu tư dự án khu dân cư Phú Hữu	65.030.695.845	-
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị		
Bán hàng hoá	-	25.718.711.415
Cung cấp dịch vụ	-	73.864.692
Hàng bán bị trả lại	2.727.272.727	-
Mua hàng hóa	60.567.800	-
Cho vay	1.000.000.000	200.000.000
Vay ngắn hạn	4.800.000.000	-
Mua tài sản cố định	152.323.100	-
Xây dựng cơ bản dở dang	262.744.600	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	348.654.951.751	177.008.873.793
Cho vay	35.628.479.525	68.000.000.000
Lãi cho vay	-	38.763.251.267
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	13.533.047.486	21.515.375.200
Trả trước người bán	-	326.135.308
Cộng nợ phải thu	397.816.478.762	305.613.635.568

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị</i>		
Phải trả người bán	137.063.742	-
Cộng nợ phải trả	137.063.742	-

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực được phẩm: sản xuất và mua bán các loại được phẩm.
- Lĩnh vực bất động sản: đầu tư vào dự án bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ đính kèm từ trang 39 đến trang 41.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH được phẩm Đô Thành với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 95% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chiếm 88%) và Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 4% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 11%). Các khách hàng khác có số dư dưới 01% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.955.373.953	-	-	-	10.955.373.953
Phải thu khách hàng	353.026.797.833	-	13.700.560.026	394.549.906	367.121.907.765
Các khoản cho vay	126.415.785.674	-	-	-	126.415.785.674
Các khoản phải thu khác	26.944.880.124	-	15.495.469.251	-	42.440.349.375
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	67.691.030.000	-	-	-	67.691.030.000
Cộng	585.033.867.584	-	29.196.029.277	394.549.906	614.624.446.767

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	8.767.076.837	-	-	-	8.767.076.837
Phải thu khách hàng	168.153.222.002	-	32.996.243.800	523.397.250	201.672.863.052
Các khoản cho vay	158.398.223.149	-	-	-	158.398.223.149
Các khoản phải thu khác	15.867.844.672	-	9.127.944.691	-	24.995.789.363
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	111.560.695.845	-	-	-	111.560.695.845
Cộng	462.747.062.505	-	42.124.188.491	523.397.250	505.394.648.246

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 06 tháng	Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn trên 03 năm	Cộng
Số cuối năm						
Phải thu khách hàng	11.856.907.017	1.449.103.103	279.837.713	114.712.193	-	13.700.560.026
Các khoản phải thu khác	7.070.469.251	8.425.000.000	-	-	-	15.495.469.251
Cộng	18.927.376.268	9.874.103.103	279.837.713	114.712.193	-	29.196.029.277
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	32.472.846.550	408.685.057	114.712.193	-	-	32.996.243.800
Các khoản phải thu khác	7.626.444.691	1.501.500.000	-	-	-	9.127.944.691
Cộng	40.099.291.241	1.910.185.057	114.712.193	-	-	42.124.188.491

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	150.353.907.851	-	-	150.353.907.851
Phải trả người bán	39.199.395.288	-	-	39.199.395.288
Các khoản phải trả khác	32.102.928.243	-	-	32.102.928.243
Cộng	221.656.231.382	-	-	221.656.231.382
Số đầu năm				
Vay và nợ	148.693.828.442	-	-	148.693.828.442
Phải trả người bán	36.793.081.426	-	-	36.793.081.426
Các khoản phải trả khác	33.755.684.622	-	-	33.755.684.622
Cộng	219.242.594.490	-	-	219.242.594.490

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.092,00	-	67.155,40	-
Vay ngắn hạn	-	-	(1.501.240,00)	-
Phải trả người bán	(842.866,05)	(10.825,00)	(839.903,25)	(11.923,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(841.774,05)	(10.825,00)	(2.273.987,85)	(11.923,00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay theo lãi suất trên hợp đồng.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.3 và V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là USD 2,500,000 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là USD 2,500,000).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.955.373.953	-	8.767.076.837	-	10.955.373.953	8.767.076.837
Phải thu khách hàng	367.121.907.765	(394.549.906)	201.672.863.052	(523.397.250)	366.727.357.859	201.149.465.802
Các khoản cho vay	126.415.785.674	-	158.398.223.149	-	126.415.785.674	158.398.223.149
Các khoản phải thu khác	42.440.349.375	-	24.995.789.363	-	42.440.349.375	24.995.789.363
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	67.691.030.000	-	111.560.695.845	-	67.691.030.000	111.560.695.845
Cộng	614.624.446.767	(394.549.906)	505.394.648.246	(523.397.250)	614.229.896.861	504.871.250.996

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	149.911.196.269	148.410.963.356	149.911.196.269	148.410.963.356
Phải trả người bán	39.199.395.288	36.793.081.426	39.199.395.288	36.793.081.426
Các khoản phải trả khác	32.545.639.825	34.038.549.708	32.545.639.825	34.038.549.708
Cộng	221.656.231.382	219.242.594.490	221.656.231.382	219.242.594.490

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	430.006.842.629	-	-	430.006.842.629
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	430.006.842.629	-	-	430.006.842.629
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.551.951.005	-	-	60.551.951.005
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.195.246.016)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				50.356.704.989
Doanh thu hoạt động tài chính				42.156.787.462
Chi phí tài chính				(23.386.774.634)
Thu nhập khác				243.997.095
Chi phí khác				(82.838.908)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.643.810.724)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				94.489.326
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				64.738.554.606
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.286.793.528	-	-	2.286.793.528
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.588.843.369	-	-	15.588.843.369
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	322.198.944.064	-	-	322.198.944.064
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	322.198.944.064	-	-	322.198.944.064
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	 64.692.042.480	 -	 -	 64.692.042.480
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.798.233.327)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				55.893.809.153
Doanh thu hoạt động tài chính				29.079.018.475
Chi phí tài chính				(23.504.364.628)
Thu nhập khác				275.988.527
Chi phí khác				(172.289.194)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.103.043.981)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				139.184.470
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				59.608.302.822
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	 4.131.699.914	 -	 -	 4.131.699.914
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	 15.984.650.677	 -	 -	 15.984.650.677
 Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	 -	 -	 -	 -

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	551.491.772.052	300.918.383.530	-	852.410.155.582
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				263.262.963.431
Tổng tài sản				1.115.673.119.013
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	237.580.086.907	222.902.833.250	-	460.482.920.157
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				460.482.920.157
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	398.155.112.943	365.949.079.375	-	764.104.192.318
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				279.037.224.638
Tổng tài sản				1.043.141.416.956
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	229.786.939.456	222.902.833.250	-	452.689.772.706
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				452.689.772.706

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc